

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 42/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 09-6-2020

V/v tranh chấp “Ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Thực;

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Huỳnh Văn Thanh;

- Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Minh Đăng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lay.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cai Lay tham gia phiên tòa:** Ông Trần Văn Truyền - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 655/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2020/QĐXX-ST ngày 18 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị **Tô Thị U**, sinh năm 1976; cư trú tại: Ấp B, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang; nơi ở hiện nay: Khu phố A, Phường B, thị xã C, tỉnh Tiền Giang. (Xin vắng mặt)

- **Bị đơn:** Anh **Phùng Quốc T**, sinh năm 1975; cư trú tại: Ấp B, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (Xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, nguyên đơn, chị Tô Thị U trình bày: Chị và anh Phùng Quốc T đăng ký kết hôn vào ngày 12-7-2004, nhưng thực tế vợ chồng đã sống với nhau từ năm 1983. Từ khi về chung sống, vợ chồng có hạnh phúc nhưng đến năm 2017 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do không hợp nhau về lối sống nên thường xuyên cự cãi, từ đó tình cảm vợ chồng không còn. Ngoài ra, anh T còn thường xuyên nhậu nhẹt, mỗi lần nhậu về hay đánh đập chị và các con, đập phá đồ đạc trong nhà. Hiện nay anh T đã có vợ khác và đang sống chung với người đó, còn

chị thì đã chuyển đến Khu phố 3, Phường 2, thị xã Cai Lậy để sinh sống. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và không còn khả năng hàn gắn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Có 04 con chung là Phùng Quốc T, sinh năm 1994; Phùng Minh V, sinh năm 1996; Phùng Hoàng M, sinh năm 1998 và Phùng Thị Thảo Q, sinh ngày 14-02-2007. Hiện các con gồm T, V, M đã trưởng thành, có khả năng lao động nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết; đối với cháu Q hiện đang sống cùng chị, nên chị yêu cầu tiếp tục được nuôi dưỡng sau khi ly hôn, không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị U có ý kiến để hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, dù anh Phùng Quốc T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị U, vắng mặt trong các phiên họp và xin vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Tô Thị U và anh Phùng Quốc T tranh chấp về ly hôn; anh T cư trú tại ấp B, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì thẩm quyền giải quyết vụ án là của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy.

[2] Chị Tô Thị U, anh Phùng Quốc T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt chị U, anh T.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Hôn nhân giữa chị Tô Thị U và anh Phùng Quốc T là hợp pháp vì có đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 6*0, quyển số 04, ngày 12-7-2004, hôn nhân có hiệu lực từ ngày 08-12-1983 do đăng ký theo Nghị định số 77/2001/NĐ-CP của Chính phủ. Sau khi về chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, anh T không quan tâm gì đến vợ con lại còn hay đánh đập chị U và các con, đập phá đồ đạc trong nhà nên từ đó hai bên thường xuyên cự cãi, cuộc sống không còn hạnh phúc. Hiện chị U và anh T đã sống ly thân với nhau, theo chị U thì hiện anh T đã có vợ khác. Việc chị U trình bày chị và con bị anh T bạo hành là có cơ sở vì chị có cung cấp các giấy chứng nhận thương tích, giấy ra viện và có xác nhận của chính quyền địa phương. Đối với anh T, không đến Tòa để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của chị

U, cũng như để hàn gắn tình cảm vợ chồng nếu như còn yêu thương vợ nên xem như anh T đã không còn quan tâm đến hôn nhân của vợ chồng và tự mình từ bỏ nghĩa vụ chứng minh. Tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “Vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; cùng chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình” và “vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau”. Qua đó, Hội đồng xét xử nhận thấy giữa chị U và anh T đã không còn tình nghĩa vợ chồng, tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không còn nên mục đích của hôn nhân không đạt được, vì vậy yêu cầu xin ly hôn của chị U là có căn cứ.

[4] Về con chung: Giữa chị U và anh T có 04 con chung là Phùng Quốc T, sinh năm 1994; Phùng Minh V, sinh năm 1996; Phùng Hoàng M, sinh năm 1998 và Phùng Thị Thảo Q, sinh ngày 14-02-2007. Hiện các con gồm T, V, M đã trưởng thành, có khả năng lao động nên chị U không yêu cầu Tòa án giải quyết là có căn cứ. Đối với cháu Q hiện đang sống cùng chị U, phía anh T không có yêu cầu gì, chị U yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Q sau khi ly hôn là theo nguyện vọng của cháu. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Q cho chị U trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, không làm xáo trộn cuộc sống của cháu. Chị U không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung, tài sản chung: Chị U không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh T không có ý kiến gì về các vấn đề này, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[6] Về án phí: Chị Tô Thị U là nguyên đơn khởi kiện vụ án hôn nhân gia đình nên phải chịu án phí theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tô Thị U. Cho chị Tô Thị U được ly hôn với anh Phùng Quốc T.

2. Về con chung: Giao cháu Phùng Thị Thảo Q, sinh ngày 14-02-2007 cho chị Tô Thị U trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Anh Phùng Quốc T không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị U chưa yêu cầu.

Anh Phùng Quốc T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí: Chị Tô Thị U phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 17445 ngày 24-12-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, nên xem như chị U đã thi hành xong án phí.

Chị Tô Thị U, anh Phùng Quốc T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- UBND xã P, huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Nguyễn Anh Thực